

Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1999, cư trú tại: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cước công dân: xxxx.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung T2, sinh năm 1987, cư trú tại: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cước công dân: xxxx.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trung T2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị Ngọc T T2 tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Quỳnh T1, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị T; anh Nguyễn Trung T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2025 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không T2 tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Phạm Thị Ngọc T và anh Nguyễn Trung T2 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

- *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Án phí ly hôn chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện chịu nên phải nộp số tiền 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000xxxx, ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-Vĩnh Long) nên chị Phạm Thị Ngọc T không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT, TT và THA) (1b);
- VKSND K (1b);
- Phòng THADS K (1b);
- UBND xã V, tỉnh Vĩnh Long (Đăng ký kết hôn số: xx, ngày 27 tháng 12 năm 2018) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (3b).

THẨM PHÁN

Huỳnh Việt Thiện

